TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐỊNH QUÁN** TỈNH ĐỒNG NAI	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 111/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 30-9-2022
V/v: "Ly hôn, trAnh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỊNH QUÁN - TỈNH ĐỒNG NAI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Cẩm Phường

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hoàng Văn Đông và bà Trần Thúy Nga

Thư ký phiên tòa: Ông Quách Kim Lân - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Thọ - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 130/2022/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 5 năm 2022, về việc "Ly hôn, Tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 91/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 8 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 141/QĐST/HNGĐ ngày 14 tháng 9 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị A, sinh năm 1994. Nơi cư trú: xã L, huyện D, tỉnh Đồng Nai.

Bị đơn: Anh Trương Văn T, sinh năm 1991. Nơi cư trú: xã L, huyện D, tỉnh Đồng Nai.

(Chị A có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; Anh T vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 01-3-2022, các lời khai trong quá trình chuẩn bị xét xử, nguyên đơn chị Nguyễn Thị A trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và Anh T tự nguyện tiến tới hôn nhân, được Ủy bA nhân dân xã La Ngà cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn ngày 11/3/2013, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến tháng 6/2020 phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do kinh tế gia đình không ổn định, khó khăn, Anh T không lo làm ăn dẫn đến vợ chồng thường xuyên cự cãi, vợ chồng đã không còn sống chung từ tháng 6/2020 đến nay. Nay chị nhận thấy không còn tình cảm với Anh T nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với Anh Trương Văn T.

Về con: Theo chị A, chị và Anh T có 03 người con tên Trương Văn D, sinh ngày 16/8/2013; Trương Thị Kiều T1, sinh ngày 23/9/2011 và Trương Thị Kim V, sinh ngày 05/10/2015, hiện nay các con chung cháu T1 và cháu V đang sống cùng chị A, cháu D đang sống cùng Anh T. Khi ly hôn chị A yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung Trương Thị Kiều T1, sinh ngày 23/9/2011 và Trương Thị Kim V, sinh ngày 05/10/2015; giao con chung Trương Văn D, sinh ngày 16/8/2013 cho Anh T nuôi dưỡng, không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Theo chị A, vợ chồng không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Theo chị A, vợ chồng không có nợ chung.

Do bận công việc, không thể sắp xếp được thời giA để tham gia phiên tòa, nên chị A đề nghị được vắng mặt tại phiên tòa xét xử vụ án.

Bị đơn Anh Trương Văn T mặc dù đã được Tòa án tống đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng khác nhưng quá trình giải quyết vụ án không có văn bản trình bày ý kiến, không giao nộp tài liệu chứng cứ, đồng thời vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai.

Để giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành xác minh nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn giữa vợ chồng chị A và Anh T, kết quả xác minh như sau:

Chị A và Anh T là vợ chồng, chung sống tại tổ 1, ấp 5, xã La Ngà, huyện Định Quán. Vợ chồng chị A và Anh T sống chung được một thời giA thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn chính xác thì không rõ, địa phương chỉ nắm được do tính tình vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm, thường xuyên xảy ra cự cãi. Chị A và Anh T có 03 người con chung Trương Văn D, sinh ngày 16/8/2013; Trương Thị Kiều T1, sinh ngày 23/9/2011 và Trương Thị Kim V, sinh ngày 05/10/2015, khi vợ chồng không còn chung sống với nhau thì các con chung cháu T1 và cháu V do chị A trực tiếp nuôi dưỡng, cháu D do Anh T trực tiếp nuôi dưỡng, hiện nay các cháu đều khỏe mạnh, phát triển bình thường.

Phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán đã tiến hành đầy đủ các hoạt động tố tụng về xác định quan hệ pháp luật, về tư cách tham gia tố tụng của đương sự, về thẩm quyền giải quyết của Tòa án, thời hạn chuẩn bị xét xử, thời hạn chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu theo thẩm quyền, thủ tục giao, gửi, cấp và tống đạt các văn bản tố tụng cho Viện kiểm sát và người tham gia tố tụng tất cả đều đúng quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng và đầy đủ các phần của phiên tòa sơ thẩm. Thư ký phiên tòa thực hiện đúng và đầy đủ nhiệm vụ, quyền hạn theo luật định. Nguyên đơn thực hiện đúng và đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng. Bị đơn chưa thực hiện đúng và đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng.

Về đường lối giải quyết vụ án: Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị cho chị Nguyễn Thị A được ly hôn với Anh Trương Văn T. Về con: Đề nghị giao các con chung Trương Thị Kiều T1, sinh ngày 23/9/2011 và Trương Thị Kim V,

sinh ngày 05/10/2015 cho chị A trực tiếp nuôi dưỡng, giao con chung Trương Văn C, sinh ngày 16/8/2013 cho Anh T được trực tiếp nuôi dưỡng, không ai phải cấp dưỡng nuôi con do các đương sự không có yêu cầu. Về tài sản chung, nợ chung: Đề nghị không xem xét. Về án phí: Chị A phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả trAnh tụng tại phiên tòa:

[1] Về thủ tục quan hệ pháp luật trAnh chấp và thẩm quyền giải quyết: Chị Nguyễn Thị A khởi kiện yêu cầu ly hôn với Anh Trương Văn T, vì vậy quan hệ pháp luật trAnh chấp cần giải quyết trong vụ án này được xác định là "Ly hôn, trAnh chấp về nuôi con" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn Anh T có nơi cư trú tại: ấp 5, xã L, huyện D, tỉnh Đồng Nai, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Định Quán theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về sự có mặt của các đương sự: Nguyên đơn chị A vắng mặt tại phiên tòa, nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bị đơn Anh T, đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[3] Quan hệ hôn nhân giữa chị A và Anh T xác lập ngày 11/3/2013 (thời điểm Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 có hiệu lực). Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 131 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, áp dụng các điều khoản của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 để giải quyết vụ án.

[4] Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa chị A và Anh T được xác lập trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại Ủy bA nhân xã La Ngà và được cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn ngày 11/3/2013. Do đó, đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật ghi nhận và bảo vệ.

[5] Nguyên đơn chị A yêu cầu ly hôn với lý do kinh tế gia đình không ổn định, khó khăn, Anh T không lo làm ăn dẫn đến vợ chồng thường xuyên cự cãi, vợ chồng đã không còn sống chung từ tháng 6/2020 đến nay. Lời khai của nguyên đơn về mâu thuẫn vợ chồng phù hợp với kết quả xác minh của Tòa án, có đủ cơ sở xác định: Quá trình sống chung, vợ chồng chị A và Anh T đã không còn thương yêu, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, vi phạm nghĩa vụ sống chung của vợ chồng. Có căn cứ để xác định, hôn nhân giữa chị A và Anh T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 89 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000, thì yêu cầu ly hôn của chị A đối với Anh T là có cơ sở chấp nhận.

[6] Đối với bị đơn Anh T, quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ giấy triệu tập, thông báo về việc thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng khác cho bị đơn, nhưng bị đơn cố tình không đến Tòa án làm việc, không cung cấp

văn bản trình bày ý kiến, không cung cấp tài liệu, chứng cứ, tự từ bỏ quyền của đương sự; điều này cũng thể hiện, Anh T không mong muốn được hòa giải đoàn tụ gia đình với chị A.

[7] Về con chung và nghĩa vụ cấp dưỡng: Chị A và Anh T có 03 người con tên Trương Văn D, sinh ngày 16/8/2013; Trương Thị Kiều T1, sinh ngày 23/9/2011 và Trương Thị Kim V, sinh ngày 05/10/2015. Khi ly hôn, chị A yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung Trương Thị Kiều T1 và Trương Thị Kim V; giao con chung Trương Văn D cho Anh T trực tiếp nuôi dưỡng. Xét thấy, từ khi vợ chồng không còn sống chung, các con chung cháu T1 và cháu V đang sống cùng chị A, do chị A trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; cháu D đang sống cùng Anh T. Vì vậy, để không xáo trộn đời sống của con trẻ cần tiếp tục giao con chung cháu T1 và cháu V cho chị A trực tiếp chăm nom, chăm sóc và giáo dục; giao cháu D cho Anh T trực tiếp nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con, các đương sự không có yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

[8] Về tài sản: Tòa án không xem xét, giải quyết.

[9] Về nợ chung: Tòa án không xem xét, giải quyết.

[10] Về án phí: Chị A là nguyên đơn trong vụ án ly hôn, do đó phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn.

[11] Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa về đường lối giải quyết vụ án là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228; Điều 235 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Các Điều 11, 85, 89, 91, 92, 93, 94 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000; khoản 1 Điều 131 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy bA thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị A, về việc *"Ly hôn, trAnh chấp về nuôi con"* đối với Anh Trương Văn T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị A được ly hôn với Anh Trương Văn T.

2. Về con: Giao con chung Trương Thị Kiều T1, sinh ngày 23/9/2011 và Trương Thị Kim V, sinh ngày 05/10/2015 cho chị A trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục; giao con chung Trương Văn D, sinh ngày 16/8/2013 cho Anh T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Tạm thời không ai phải cấp dưỡng nuôi con do các đương sự không có yêu cầu.

Chị A, Anh T có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung mà không ai được quyền cản trở. Vì lợi ích của con, khi có yêu cầu, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, cấp dưỡng hoặc thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về tài sản: Tòa án không xem xét, giải quyết.

4. Về nợ chung: Tòa án không xem xét, giải quyết.

5. Về án phí: Chị Nguyễn Thị A phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn, được khấu trừ vào số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) chị A đã nộp tạm ứng theo biên lai thu số 0003582 ngày 26-5-2022 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai. Chị A đã nộp đủ án phí.

6. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo trong hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:
- VKSND huyện Định Quán;
- Chi cục THA huyện Định Quán;
- Các đương sự (để thi hành);
- UBND xã La Ngà, huyện Định Quán (GCNKH số 24/2013, ngày 11-3-2013) (để ghi vào sổ hộ tịch).
- Lưu: Hồ sơ vụ án, án văn.

THAY MẶT HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Cẩm Phường